

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên

CHÚ TỊCH

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 39/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VII;

Căn cứ tình hình thị trường cung cấp và sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong khu vực hiện nay;

Theo đề nghị của trường các phòng ban chức năng công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VII.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định kèm theo Quyết định này “Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên” của Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VII.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên.

- Những nội dung chưa quy định tại Quyết định này sẽ được thực hiện theo Thông tư số 39/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024, thay thế Quyết định số 09/QĐ-CTHTTHHKV.VII ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Quyền Chủ tịch công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VII Ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên.


Điều 4. Tổ chức thực hiện

- Các phòng ban chức năng của Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VII chịu trách nhiệm báo cáo biểu giá quy định tại Quyết định này với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan và thông báo đến các đối tượng sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Công ty.

- Ban Giám đốc, các Phòng chức năng thuộc Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VII; các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c);
- Tổng công ty ĐATHHMN (để b/c);
- Cục thuế tỉnh Bình Định;
- Cảng vụ hàng hải Quy Nhơn;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu: VT, TCKT.

QUYỀN CHỦ TỊCH 
Kiểm phụ trách điều hành công ty



Nguyễn Hữu Nghiêm

QUY ĐỊNH
BIỂU GIÁ DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN
THUỘC 02 TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ PHÚ YÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-CTHTHHKVVII ngày 30 /01/2024
của Quyền chủ tịch kiêm phụ trách điều hành Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VII)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Biểu giá này quy định giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên của Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VII.

2. Biểu giá này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển thuộc 02 tỉnh Bình Định và Phú Yên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.

2. Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí là tàu thuyền phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí hoặc thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ dầu khí.

3. Tàu lai là tàu được thiết kế, đăng kiểm và đăng ký hoạt động làm dịch vụ lai dắt, hỗ trợ tàu vào, rời cập cầu, bến, phao neo.

4. Tổng dung tích - Gross Tonnage (GT) là dung tích toàn phần lớn nhất của tàu thuyền được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

5. Hàng hoá xuất khẩu là hàng hoá có nơi gửi hàng (gốc) ở Việt Nam và có nơi nhận hàng (đích) ở nước ngoài.

6. Hàng hoá nhập khẩu là hàng hoá có nơi gửi hàng (gốc) ở nước ngoài và nơi nhận hàng (đích) ở Việt Nam.

7. Hàng hoá trung chuyển là hàng hoá được vận chuyển từ nước ngoài đến cảng biển Việt Nam và đưa vào bảo quản tại khu vực trung chuyển của cảng biển trong một thời gian nhất định rồi xếp lên tàu thuyền khác để vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.



8. Hàng hoá quá cảnh là hàng hoá có nơi gửi hàng (gốc) và nơi nhận hàng (đích) ở ngoài lãnh thổ Việt Nam đi thẳng hoặc được xếp dỡ qua cảng biển Việt Nam hoặc nhập kho, bãi để đi tiếp.

9. Lướt dẫn tàu là việc hoa tiêu hàng hải dẫn tàu liên tục từ vị trí hoa tiêu lên tàu đến vị trí hoa tiêu rời tàu theo quy định.

10. Một chuyến được tính là tàu thuyền vào khu vực hàng hải 01 lướt và rời khu vực hàng hải 01 lướt.

11. Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo bao gồm các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam được công bố theo quy định của pháp luật.

12. Khung giá dịch vụ tại cảng biển là các mức giá liên tục từ giá tối thiểu đến giá tối đa cho dịch vụ tại cảng biển.

Điều 3. Đối tượng tính giá dịch vụ

1. Đối tượng tính giá dịch vụ đối với hoạt động hàng hải quốc tế, bao gồm:

a) Tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải; tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động tại cảng biển Việt Nam;

b) Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh tại khu vực hàng hải;

c) Tàu thuyền vận tải hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam; tàu thuyền chuyên dùng hoạt động trên tuyến quốc tế vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

d) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản, neo đậu tại khu vực hàng hải;

đ) Hành khách của tàu khách từ nước ngoài đến Việt Nam (hoặc ngược lại) bằng đường biển, đường thủy nội địa vào, rời khu vực hàng hải.

2. Đối tượng tính giá dịch vụ đối với hoạt động hàng hải nội địa, bao gồm:

a) Tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

b) Tàu thuyền vận tải hàng hoá, hành khách hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

c) Tàu thuyền hoạt động trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;

d) Hàng hóa nội địa được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản, neo đậu tại khu vực hàng hải;

d) Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí hoạt động tại các cảng dầu khí ngoài khơi, cảng chuyên dùng phục vụ dầu khí, trong khu vực trách nhiệm của cảng vụ hàng hải.

3. Tàu công vụ là tàu thuyền chuyên dùng để thực hiện công vụ của Nhà nước không vì mục đích thương mại không thuộc đối tượng tính giá theo quy định tại Thông tư này.

4. Tàu thuyền vào, rời cảng tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hoá, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải và giá dịch vụ cầu, bến, phao neo

Điều 4. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định trong Biểu giá này được xác định bằng giá tối đa trong khung giá dịch vụ quy định tại Thông tư 39/2023/TT-BGTVT ngày 25/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải về Ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

2. Các mức giá quy định trong Biểu giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VII khi tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

* Đối với tàu vận tải nội địa.

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng theo quy định hiện hành về luật thuế giá trị gia tăng.

* Đối với tàu vận tải quốc tế.

- Áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.

- Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0%, thì sẽ thực hiện theo quy định hiện hành về thuế giá trị gia tăng.

Điều 5. Đồng tiền tính giá dịch vụ

1. Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với dịch vụ hoa tiêu cung cấp cho tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

2. Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam đối với dịch vụ hoa tiêu cung cấp cho tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

3. Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Đơn vị tính và cách làm tròn

1. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ tại cảng biển.. Đối với tàu thuyền không ghi GT chọn phương thức quy đổi có dung tích GT lớn nhất, được quy đổi như sau:

a) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;

b) Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT;

073
CÁN
T.N
TH
HOA
HẢI
CHU V

c) Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ) và cầu nổi: 01 mã lực (HP, CV) tính bằng 0,5 GT; 01 KW tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cầu đặt trên tàu thuyền tính bằng 06 GT;

d) Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm tính bằng 04 GT;

đ) Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: tính bằng tổng dung tích của cả đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn, bao gồm: sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy.

2. Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW tính tròn là 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

3. Đơn vị thời gian:

a) Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;

b) Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

4. Đơn vị khoảng cách tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải là hải lý (HL); phần lẻ dưới 01 HL tính bằng 01 HL.

Điều 7. Tuyển dẫn tàu được giao cho Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VII

1. Tuyển dẫn tàu Quy Nhơn.

2. Tuyển dẫn tàu Vũng Rô.

Chương II

Điều 8. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

| TT | Loại dịch vụ | Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu | Giá dịch vụ tương ứng | Ghi chú |
|----|---|------------------------------------|-----------------------|--|
| 1 | Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào, rời tại các tuyến dẫn tàu cảng Quy Nhơn (tỉnh Bình Định). | 2.000.000 Đồng /lượt dẫn tàu | 25,00 Đồng/GT/HL | Trích từ khoản 7, Điều 8 ,TT39/TT- BGTVT |
| 2 | Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào, rời tại tuyến dẫn tàu Vũng Rô (tỉnh Phú Yên). | 2.000.000 Đồng /lượt dẫn tàu | 60,00 Đồng/GT/HL | Trích từ khoản 2, Điều 8, TT39/TT- BGTVT |
| 3 | Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý | 2.000.000 Đồng /lượt dẫn tàu | 60,00 Đồng/GT/HL | Trích từ khoản 6, Điều 8, TT39/TT- BGTVT |

Điều 9. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

Bảng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

| TT | Loại dịch vụ | Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu | Giá dịch vụ tương ứng | Ghi chú |
|----|--|------------------------------------|-----------------------|---|
| 1 | Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào, rời trong khu vực cảng Quy Nhơn (tỉnh Bình Định). - Dưới 10 hải lý | 300 USD/lượt dẫn tàu | 0.00340 USD/GT/HL | Trích từ Điểm 1, Khoản 2, Điều 9, TT39/TT-BGTVT |
| 2 | Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền vào, rời trong khu vực cảng Vũng Rô (tỉnh Phú Yên). | 300 USD/lượt dẫn tàu | 0.0045 USD/GT/HL. | Trích từ Điểm 1, Khoản 1, Điều 9, TT39/TT-BGTVT |
| 3 | Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. | 100 USD/lượt dẫn tàu | 0.0150 USD/GT | Trích từ Điểm 6, Khoản 1, Điều 9, TT39/TT-BGTVT |
| 4 | Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá) | | 40 USD/lượt dẫn tàu | Trích từ Điểm 7, Khoản 1, Điều 9, TT39/TT-BGTVT |

Điều 10. Cơ sở xác định giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được tính theo từng lượt dẫn tàu, bằng tích số của giá dịch vụ tương ứng quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này với cự ly dẫn tàu với tổng dung tích của tàu thuyền; riêng đối với điểm 6 Điều 8 và điểm 6 khoản 1 Điều 9 thì được tính bằng tích số của giá dịch vụ tương ứng với tổng dung tích của tàu thuyền.

2. Trường hợp giá dịch vụ hoa tiêu tính theo quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn giá tối thiểu cho 01 lượt dẫn tàu thì áp dụng bằng giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này.

3. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ hoa tiêu, trong đó:

a) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dẫn;

b) Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

H
H
V
I
E
U
T
A
I
V
I
L
B
I
N
H
P

Điều 11. Các trường hợp giá cụ thể.

1. Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 24 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi là 08 giờ.

2. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 30.000 VNĐ/người/giờ đối với hoạt động nội địa và 10 USD/người/giờ đối với hoạt động quốc tế. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 200.000 VNĐ/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động nội địa và 20 USD/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động quốc tế. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

3. Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

4. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong khung giá quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

5. Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này.

6. Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai thì áp dụng bằng 150% khung giá quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này.

7. Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này) thì áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này.

8. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu bằng mức giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này.

9. Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 300.000 VNĐ/tàu/lượt đối với tàu hoạt động nội địa và 30 USD/tàu/lượt đối với tàu hoạt động quốc tế.

10. Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu, tiền chờ đợi là 250.000 VNĐ/giờ đối với hoạt động nội địa và 100 USD/giờ đối với hoạt động quốc tế, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi.

11. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 8, Điều 9 nhưng không thấp hơn 2.000.000 VNĐ đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

12. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này nhưng không thấp hơn 2.000.000 VNĐ đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

13. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này nhưng không thấp hơn 300 USD.

14. Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo khung giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

15. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, áp dụng bằng 70% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Biểu giá này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Điều 12. Hướng dẫn sử dụng dịch vụ hoa tiêu

1. Khách hàng là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VII trực tiếp hoặc thông qua đại lý, đại diện của mình liên hệ với:

- Phòng trực ban hoa tiêu:

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Dữ, phường Hải cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (056)3894788

Số fax: (056)3893077

Email: kv07trucbanhoatieu@gmail.com

- Phòng tài chính kế toán:

Điện thoại: (056)3894799

Email: ketoan.hoatieu7@gmail.com


2. Biểu mẫu yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu

Khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ hoa tiêu của công ty hoa tiêu hàng hải khu vực VII tham khảo mẫu “giấy yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu” đính kèm.

QUYỀN CHỦ TỊCH 

Kiểm phụ trách điều hành công ty





Nguyễn Hữu Nghiêm

TÊN ĐẠI LÝ /LOGO
GIẤY YÊU CẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ HOA TIÊU
(PILOTAGE ORDER)

Kính gửi: CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII

| | | |
|--|-----------------------|---------------|
| Tên tàu: | Quốc tịch: | Hô hiệu: |
| Cảng rời: | Loại hàng vận chuyển: | |
| Cảng đến: | GRT/DWT: | LOA/BEAM: |
| Cảng tiếp theo: | | |
| Mớn nước tàu : F | ..A | Chân vịt mũi: |
| Địa điểm: Từ | | Đến: |
| Thời gian tàu đến trạm Hoa tiêu : (giờ ngày/tháng/năm) | | |
| Thời gian yêu cầu Hoa tiêu lên tàu: (giờ ngày/tháng/năm) | | Đề : |
| Hoa tiêu dẫn tàu: | Tàu lai hỗ trợ: | |
| Tàu xin cập mạn: | | |
| Phí hoa tiêu thanh toán bởi đại lý(chủ tàu): | | |

Thông tin xuất hóa đơn thu phí hoa tiêu như sau:

- Tên Công ty (khách hàng):.....
- Địa chỉ:.....
- Mã số thuế:.....
- Địa chỉ giao nhận hóa đơn:.....
- Cam kết thời gian thanh toán tiền phí hoa tiêu:.....

Tên đại lý viên, số điện thoại: Quy Nhơn, ngàythángnăm.... ..

Ký tên/dóng dấu

*** Ghi chú:**

Order được xem như một hợp đồng có giá trị pháp lý trong việc yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu và thanh toán giữa khách hàng (đại lý/chủ tàu) và Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VII.

Trường hợp Order không có dấu tròn thì người ký xác nhận trên Order phải là người đã được đại lý/chủ tàu giới thiệu bằng văn bản cụ thể.

Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không theo mẫu này thì mẫu Order của khách hàng phải thể hiện đầy đủ các thông tin trên mẫu này.

